

Bản án số: 250/2023/DS-PT

Ngày 19 - 12 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hồng Uyên- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 21-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959; cư trú tại: Số D, đường L, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim H (văn bản ủy quyền ngày 04/8/2023): Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1982; cư trú tại: Đường N, Tổ B, Khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, sinh năm 1974; cư trú tại: Số A, Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 (Giấy ủy quyền ngày 09-10-2019): Bà Hà Thị N, sinh năm 1965; cư trú tại: Số D, đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 03/5/2015, bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 có vay của bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); khi vay, bà T1 nói có vay nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) - Chi nhánh Đ1 đã đến hạn, nay mượn tiền bà H để đáo hạn; khi ngân hàng giải ngân sẽ trả đủ cho bà H số tiền trên cộng lãi suất. Khi bà H đưa tiền cho bà T1 vay, hai bên có viết giấy cam kết và giấy đặt cọc mua nhà và đất để làm tin; đồng thời, có ông Lê Văn C làm chứng.

Khi nhận tiền, bà T1 nói để ngân hàng điều chỉnh lại hợp đồng vay xong, bà T1 sẽ trả tiền cho bà H; sau đó, bà T1 nói ngân hàng không cho vay do đất có tranh chấp, nên để bà T1 bán đất trả cho bà H. Bà H chờ đợi mãi không thấy bà T1 trả tiền, đã nhiều lần tìm đến nhà thì bà T1 trốn mất, sự việc kéo dài quá lâu mà bà T1 vẫn không trả lại tiền cho bà H, bà T1 có tình chiếm đoạt số tiền của bà H.

Vì bà H và bà T1 có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, nên trong đơn khởi kiện bà H đã tính lãi suất theo thỏa thuận hai bên là 345.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Nay bà H xin tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm là 1,6%/tháng, với số tiền lãi tạm tính từ tháng 3/2017 đến tháng 01/2023 là 544.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản tiền gốc và lãi là: Nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và nợ lãi 544.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bà T1 trả cho bà H số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Đối với tiền lãi do bà T1 khó khăn nên bà H đồng ý giảm cho bị đơn ½ số tiền lãi; chỉ yêu cầu 272.000.000 đồng.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 trình bày:

Bà T1 có vay của bà H số tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Lãi suất bà H tính 70.000.000đ/tháng, bà H yêu cầu bà T1 lập giấy cam

kết, giấy đặt cọc mua nhà và đất để làm tin, thực tế không có việc mua bán nhà và đất. Bà T1 đã đóng tiền lãi cho bà H được 09 tháng, 03 tháng đóng tiền lãi cho bà H qua ông C thu trực tiếp từ bà T1; sau đó, bà H yêu cầu bà T1 trả lãi qua chuyển khoản cho bà H được 06 tháng; tổng cộng, bà T1 đã trả lãi cho bà H là 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng)

Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên bà T1 đã vay tiền của bà H với lãi suất trên 15%/tháng. Bà H đã cho bà T1 vay nặng lãi trong thời gian dài, hiện bà T1 không còn khả năng trả tiếp cho bà H.

Nay bà H khởi kiện bà T1 yêu cầu trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng thì bà T1 đồng ý trả. Tuy nhiên, về lãi suất bà T1 đề nghị bà H giảm toàn bộ tiền lãi vì hiện nay bà T1 đang khó khăn và không có khả năng trả lãi.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 21-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 272.000.000 đồng. Tổng cộng 772.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm, nghĩa vụ khi thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

5. Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định về việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5.2. Quan điểm đối với kháng cáo:

Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi tổng cộng 772.000.000 đồng là thiếu căn cứ pháp luật; bởi lẽ: Bà T1 thừa nhận có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 70.000.000 đồng/tháng; bà T1 đã trả lãi cho bà H được 09 tháng với số tiền 360.000.000 đồng, cụ thể: 03 tháng trả lãi cho bà H qua ông C, 06 tháng trả bằng hình thức chuyển khoản do Nguyễn Thị Huỳnh V và Nguyễn Đăng K chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim H qua số tài khoản 1236909 tại Ngân hàng A - Chi nhánh C1 TP . Chứng cứ mà bà T1 cung cấp là giấy nộp tiền tại Ngân hàng A - Chi nhánh V1 - Phòng G, do người chuyển là Nguyễn Đăng K chuyển tiền giúp bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Kim H (do chứng cứ bà T1 cung cấp mờ không rõ nội dung cụ thể); giấy nộp tiền tại Ngân hàng A do người chuyển là Nguyễn Đăng K chuyển tiền giúp bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Kim H vào các ngày 8/8/2017, ngày 17/8/2017, ngày 25/8/2017 và ngày 28/7/2017 (nội dung trong giấy chuyển tiền ghi rõ CT giúp bà Nguyễn Thị Huỳnh T1).

Ông Lê Văn C mặc dù có bản tự khai cho rằng không biết gì về việc vay mượn tiền và trả lãi giữa bà T1 và bà H mà ông chỉ là người làm chứng; tuy nhiên, tại “Giấy cam kết” ngày 03/5/2017, ông Lê Văn C ký nhận Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Huỳnh T1, Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Đăng K và 02 sổ hộ khẩu.

Bà T1 cho rằng đã trả cho bà H 03 tháng tiền lãi qua ông C nhưng chưa được cấp sơ thẩm đối chất làm rõ. Đối với các giấy nộp tiền do bà T1 cung cấp có dấu của Ngân hàng A - Phòng A, nội dung rõ ràng, còn các giấy nộp tiền tại Ngân hàng A - Chi nhánh V1 - Phòng G, nội dung mờ không đọc được nhưng không được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ; mặc dù, cấp sơ thẩm có công văn xác minh tại các ngân hàng nhưng nội dung xác minh không rõ ràng, không chính xác nên các ngân hàng trả lời chưa cung cấp được thông tin.

Cấp sơ thẩm nhận định chỉ dựa vào lời khai không thừa nhận của ông C là nhận định chủ quan, thiếu căn cứ pháp luật; đồng thời, cấp sơ thẩm nhận định cho rằng không có căn cứ thể hiện việc bà Nguyễn Thị Kim H chuyển trả tiền cho bà Nguyễn Thị Huỳnh T1 là nhận định sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ; bởi vì, bà H là nguyên đơn có cho bà T1 là bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng đã được bị đơn bà T1 thừa nhận, vậy thì bà H có trách nhiệm gì trong việc chuyển tiền gì cho bà T1 nữa mà cấp sơ thẩm lại nhận định, cho rằng: “không có căn cứ

thể hiện việc bà **Nguyễn Thị Kim H** chuyển trả tiền cho bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1** là không có căn cứ chấp nhận”, để làm căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu căn cứ pháp luật, không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ.

Do cấp sơ thẩm bỏ sót tư cách tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông **Lê Văn C**, anh **Nguyễn Đăng K**, bà **Nguyễn Thị Huỳnh V** và xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, có nhận định sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ, dẫn đến việc giải quyết vụ án về đường lối chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ pháp luật.

5.3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1**. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung và kháng cáo:

- Theo 04 “Giấy nộp tiền” của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á** (sau đây, gọi tắt là **Ngân hàng A1**) cung cấp (bút lục từ 66-69), đều thể hiện người chuyển tiền là ông **Nguyễn Đăng K**, người nhận tiền là bà **Nguyễn Thị Kim H**; trong các giấy này, có nội dung: “Chuyển tiền cho **Nguyễn Thị Huỳnh T1**”, “**Nguyễn Đăng K** chuyển tiền giúp bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1**”, “CT”, “CT”. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành lấy lời khai của ông **Nguyễn Đăng K** để làm rõ các nội dung số tiền trả là của ông **K** hay của bà **T1** đưa ông **K** chuyển giúp, trả cho số nợ của việc vay tiền nào.... nhưng bản án lại nhận định: “Quá trình làm việc và tại phiên tòa bà **T1** cho rằng đã trả tiền lãi cho bà **Kim H** nhưng không có chứng cứ chứng minh và bà **H** không thừa nhận”; từ đó, cho rằng bà **T1** chưa đóng tiền lãi là chưa có cơ sở; đồng thời, phải đưa ông **Nguyễn Đăng K** vào tham gia tố tụng nhưng cấp sơ thẩm chưa thực hiện.

- Ngoài 04 “Giấy nộp tiền” nêu trên, trên cơ sở lời khai của bị đơn về việc **Nguyễn Thị Huỳnh V** và **Nguyễn Đăng K** còn chuyển khoản các lần khác cho bà **H**, để trả lãi thay cho bà **T1**. Tòa án cấp sơ thẩm có công văn xác minh tại các ngân hàng nhưng nội dung xác minh không rõ ràng, không chính xác, dẫn đến các ngân hàng trả lời chưa cung cấp được thông tin.

- Bị đơn bà **T1** cho rằng có đóng tiền lãi cho nguyên đơn bà **H** 03 tháng thông qua ông **C** thu trực tiếp từ bà **T1**. Ông **Lê Văn C** có bản tự khai cho rằng lời khai này là không đúng (bút lục số 105); tuy nhiên, tại “Giấy cam kết” ngày 03/5/2017 (bút lục số 03) về nội dung vay tiền, ông **Lê Văn C** là người ký nhận 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1**, 01 Giấy chứng minh nhân dân của ông **Nguyễn Đăng K** và 02 sổ hộ khẩu; trong khi đó, ông **Lê Văn C** chỉ là người làm chứng trong “Giấy đặt cọc mua nhà và đất” (bút lục số 04). Vấn đề này cần phải được xác minh, đối chất làm rõ có hay không ông **C** liên quan đến việc vay tiền, việc nhận giấy tờ tùy thân có phải và để bảo đảm cho việc vay tiền hay không, ai đang giữ bản chính...

- Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim H** có nộp bản sao hộ khẩu, thể hiện có chồng tên **Đặng Hữu T2** (cấp sơ thẩm có đóng dấu bút lục nhưng không ghi số). Hồ sơ cũng chưa thể hiện thông tin bị đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1** có chồng hay không; ngoài ra, giữa bà **H** và **T1** còn ký hợp đồng mua bán nhà đất. Mặc dù, theo đơn khởi kiện bà **H** chỉ ghi khởi kiện bà **T1** nhưng cần phải lấy lời khai của những người này, để xác định tài sản chung hay riêng, nợ chung hay nợ riêng mới giải quyết triệt để vụ án; đồng thời, tránh các khiếu nại về sau và tránh bỏ sót người tham gia tố tụng.

Kết luận: Việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; đồng thời, có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; do đó, chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Án phí:

Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; người kháng cáo bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1**;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 21-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại bà **Nguyễn Thị Huỳnh T1** 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007263 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố B (kèm hồ sơ vụ án);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự và Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành